TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **15**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 22 - 3 - 2024
V/v tranh chấp: *Ly hôn giữa bà Th và ông V.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B - TỈNH LÂM ĐỒNG
***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Đức Trường**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Trần Thị Quế**
2. Bà **Hồ Thị Hồng Liên**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Anh Vương** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Lâm Thị Hồng** - Kiểm sát viên.

Ngày **22** tháng **3** năm **2024** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 193/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2022 về việc tranh chấp "*Ly hôn, Yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân và Yêu cầu chia tài sản thuộc sở hữu chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn***: Bà **Trần Thị Th**, sinh năm: 1952. Địa chỉ: Thôn 5, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. (*có mặt*).

**** Bị đơn***: Ông **Vũ Văn V**, sinh năm: 1951. Địa chỉ: Số 186 đường Chu Văn An, Phường 2, Thành phố X, tỉnh Lâm Đồng. (*có mặt*).

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1- Bà **Vũ Thùy C7**, sinh năm: 1982. Địa chỉ: Thôn 5, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. (*có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*).

2- **Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thành phố X Lâm Đồng II**. Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Nguyễn Thị Tố N**. Chức vụ: Phó Giám đốc. Địa chỉ: Số 02 đường Lý Tự Trọng, Phường 2, Thành phố X, tỉnh Lâm Đồng. Văn bản ủy quyền lập ngày 11 tháng 3 năm 2024 (*có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện về việc yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân đề ngày 16 tháng 02 năm 2022 của bà Trần Thị Th, đơn khởi kiện về việc ly hôn đề ngày 03 tháng 10 năm 2023 của ông Vũ Văn V và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Trần Thị Th và bị đơn ông Vũ Văn V trình bày:

1- Về quan hệ hôn nhân: Bà Th và ông V tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1969, đến ngày 05/4/2023 mới tiến hành đăng ký kết hôn tại UBND Phường 2, Thành phố X, tỉnh Lâm Đồng. Bà Th và ông V đều cho rằng quá trình chung sống vợ chồng mâu thuẫn đã lâu và rất trầm trọng do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2023 đến nay, không ai quan tâm đến ai nên bà Th và ông V thống nhất thuận tình ly hôn.

2- Về con chung: Bà Th và ông V trình bày quá trình chung sống với nhau bà Th và ông V có 10 người con chung gồm: Anh Vũ Trường C1, sinh năm: 1969; chị Vũ Thùy Mai C2, sinh năm: 1972; chị Vũ Thùy Mai C3, sinh năm: 1974; anh Vũ Trường C4, sinh năm: 1976; chị Vũ Thùy Mai C5, sinh năm: 1979; anh Vũ Trường C6, sinh năm: 1979; chị Vũ Thùy C7, sinh năm: 1982; chị Vũ Thùy Mộng C8, sinh năm: 1983; chị Vũ Thụy Ánh C9, sinh năm: 1985 và anh Vũ Trường C10, sinh năm: 1987. Do hiện nay các con chung đều đã đủ tuổi thành niên, đã lập gia đình riêng nên bà Th và ông V không yêu cầu giải quyết.

3- Về tài sản chung: Gồm:

- Thửa đất số 474, tờ bản đồ số 43 diện tích 4.000m^2 (trong đó gồm: 235m^2 đất ở tại nông thôn và 3.765m^2 đất trồng cây lâu năm) trên đất có 01 căn nhà cấp 4 tọa lạc tại Thôn 5, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số hiệu CQ 384576 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 23/5/2019 mang tên ông Vũ Văn V, bà Trần Thị Th.

- Thửa đất số 526, tờ bản đồ số 43 diện tích 8.499m^2 (trong đó gồm: 253m^2 đất ở ONT và 8.246m^2 đất trồng cây lâu năm) tọa lạc tại Thôn 5, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số hiệu CY 846868 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 17/11/2020 mang tên ông Vũ Văn V, bà Trần Thị Th.

- Thửa đất số 52, tờ bản đồ số 47 diện tích 592m^2 đất nuôi trồng thủy sản (NTS) tọa lạc tại Thôn 5, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số hiệu BE 924760 do UBND huyện B cấp ngày 21/9/2011 mang tên ông Nguyễn Văn H (đã điều chỉnh sang tên cho ông Vũ Văn V, bà Trần Thị Th ngày 28/3/2017).

- Thửa đất số 53, tờ bản đồ số 47 diện tích 8.499m^2 đất trồng cây hàng năm khác (HNK) tọa lạc tại Thôn 5, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số hiệu BE 924761 do UBND huyện B cấp ngày 21/9/2011 mang tên ông Nguyễn Văn H (đã điều chỉnh sang tên cho ông Vũ Văn V, bà Trần Thị Th ngày 28/3/2017).

- Thửa đất số 835, tờ bản đồ số 3 diện tích 211m^2 đất ở tại đô thị, trên đất có 01 căn nhà xây cấp 3 (diện tích xây dựng 150.8m^2; diện tích sàn 310m^2) tọa lạc tại Số 186 đường Chu Văn An, Phường 2, thành phố X, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số hiệu CQ 429586 do UBND Thành phố X cấp ngày 04/5/2019 mang tên ông Nguyễn Xuân Y, bà Nguyễn Thị C (đã điều chỉnh sang tên cho ông Vũ Văn V, bà Trần Thị Th ngày 28/7/2020).

- Thửa đất số 1371, tờ bản đồ số 1 diện tích 474m^2 (trong đó gồm: 168m^2 đất ở tại đô thị và 306m^2 đất trồng cây lâu năm) tọa lạc tại Hẻm 129 đường Lý Thường Kiệt, Phường 1, thành phố X, tỉnh Lâm Đồng (mua chung với con gái là Vũ Thùy M) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số hiệu CV 031057 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 06/4/2020 mang tên ông Nguyễn Văn Lập, bà Nguyễn Thị Thắm (đã điều chỉnh sang tên cho ông Vũ Văn V, bà Trần Thị Th ngày 25/11/2020).

- Thửa đất số 200, tờ bản đồ số 4 diện tích 901,4m^2 (trong đó gồm: 150m^2 đất ở và 751,4m^2 đất trồng cây lâu năm) tọa lạc tại Tổ dân phố Sông Tiên, phường Ba Ngòi, Thành phố R, tỉnh Khánh Hòa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số hiệu CL 854485 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố R, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 27/3/2018 mang tên ông Nguyễn Văn Chí, bà Võ Giang Ngọc (đã điều chỉnh sang tên cho ông Vũ Văn V, bà Trần Thị Th ngày 21/6/2022).

- 11 cây vàng 24k.

- 01 ô tô 5 chỗ hiệu Tucson sản xuất năm 2018 biển số 49A 205.05.

Đối với thửa đất số 50, tờ bản đồ số 4 diện tích 534,9m^2 đất trồng cây hàng năm khác tọa lạc tại Tổ dân phố Hưng Long, phường Ba Ngòi, Thành phố R, tỉnh Khánh Hòa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số hiệu DN 675664 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đại tại Thành phố R, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 02/02/2024 mang tên ông Vũ Văn V, bà Trần Thị Th và diện tích đất 600m^2 ở xã Phước Thái, huyện Z, tỉnh Đồng Nai (đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) bà Th và ông V tự thỏa thuận chia, không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Bà Th có nguyện vọng được nhận các tài sản gồm: Thửa đất số 474 + 526 tờ bản đồ số 43; Thửa đất số 52 + 53, tờ bản đồ số 47 và toàn bộ tài sản trên đất tọa lạc tại Thôn 5, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng và Thửa đất số 1371, tờ bản đồ số 1 tọa lạc tại Hẻm 129 đường Lý Thường Kiệt, Phường 1, thành phố X, tỉnh Lâm Đồng (mua chung với con gái là Vũ Thùy M); riêng 11 lượng vàng 24k bà Th yêu cầu chia mỗi người ½, bà Th đã nhận 03 lượng vàng nên yêu cầu ông V phải giao tiếp 2,5 lượng vàng 24k.

Ông V có nguyện vọng được nhận các tài sản gồm: 1.000.000.000 đ trong tổng giá trị thửa đất số 474, tờ bản đồ số 43 tọa lạc tại xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng; Thửa đất số 835, tờ bản đồ số 3 tọa lạc tại Số 186 Chu Văn An, Phường 2, thành phố X, tỉnh Lâm

Đồng; Thửa đất số 1371, tờ bản đồ số 1 tọa lạc tại Hẻm 129 đường Lý Thường Kiệt, Phường 1, thành phố X, tỉnh Lâm Đồng (mua chung với con gái là Vũ Thùy M); Thửa đất số 200, tờ bản đồ số 4 tọa lạc tại Tổ dân phố Sông Tiên, phường Ba Ngòi, Thành phố R, tỉnh Khánh Hòa; 11 cây vàng 24k và 01 xe ô tô 5 chỗ hiệu Tucson sản xuất năm 2018 biển số 49A 205.05.

4- Về nợ chung: Bà Trần Thị Th và ông Vũ Văn V trình bày:

Vào ngày 05/4/2023 ông bà có thế chấp tài sản để vay của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh X Lâm Đồng II số tiền 3.000.000.000đ (*Ba tỷ đồng*) theo Hợp đồng tín dụng số 5490-LAV-202300973. Bà Th và ông V yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Đối với số tiền ông V cho con trai là anh Vũ Trường C10 vay thì ông V không yêu cầu giải quyết trong vụ án này vì đây là khoản tiền ông V cho anh C10 vay riêng.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thùy C7 trình bày:*

Vào năm 2020 bà Vũ Thùy C7 có mua chung với ông V, bà Th (là bố mẹ đẻ của bà) diện tích đất 11m x 46,8m thuộc thửa đất số 1371, tờ bản đồ số 1 tọa lạc tại Hẻm 129 Lý Thường Kiệt, Phường 1, thành phố X, tỉnh Lâm Đồng với giá 3.500.000.000đ, trong đó bà C7 góp 1.600.000.000đ tương đương 5m ngang; còn ông V, bà Th góp 1.900.000.000đ tương đương 6m ngang. Nay ông V và bà Th tranh chấp về việc chia tài sản chung thì bà C7 yêu cầu ông V và bà Th phải trả lại cho bà diện tích đất 5m x 46,8m thuộc một phần thửa đất số 1371, tờ bản đồ số 1 tọa lạc tại Hẻm 129 Lý Thường Kiệt, Phường 1, thành phố X, tỉnh Lâm Đồng. Do diện tích đất này không đủ điều kiện tách thửa nên đề nghị giao thửa đất này cho bà Th để cho bà C7 và bà Th đồng sở hữu và tiện bề xử lý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thành phố X Lâm Đồng II, người đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị Tố N trình bày:

Vào ngày 04/4/2023 vợ chồng ông V, bà Th có ký hợp đồng tín dụng số 5490-LAV-202300973 để vay của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thành phố X Lâm Đồng II số tiền 3.000.000.000đ, hạn trả nợ ngày 04/4/2024. Tài sản thế chấp là nhà ở cấp 3 diện tích 310m^2 và đất ở 211m^2 thuộc thửa đất số 835, tờ bản đồ số 3 tọa lạc tại Số 186 đường Chu Văn An, Phường 2, thành phố X, tỉnh Lâm Đồng theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 90/HĐTC/2023 ngày 04/4/2023.

Do hợp đồng tín dụng chưa đến hạn trả nợ nên Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thành phố X Lâm Đồng II không yêu cầu khởi kiện trong vụ án này nhưng đề nghị Tòa án khi phân chia tài sản thì bên được phân chia tài sản đang thế chấp phải có trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng theo hợp đồng tín dụng đã ký.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V đối với bà Th về việc tranh chấp ly hôn, công nhận sự thỏa thuận về việc thuận tình ly hôn giữa ông V và bà Th;

- Về con chung: Bà Th và ông V đều trình bày các con chung đã đủ tuổi thành niên và không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

- Về tài sản chung:

+ Giao cho ông V được quyền quản lý sử dụng các thửa đất số 835 + 233 + 245, tờ bản đồ số 3 và thửa đất 1371 (chung với bà C7) tờ bản đồ số 1 tọa lạc tại Thành phố X, tỉnh Lâm Đồng; thửa đất số 200, tờ bản đồ số 4 tọa lạc tại Thành phố R, tỉnh Khánh Hòa; 11 cây vàng và 01 xe ôtô;

+ Giao cho bà Th được quyền quản lý sử dụng các thửa đất số 474 + 526, tờ bản đồ số 43 và thửa đất số 52 + 53, tờ bản đồ số 47 đều tọa lạc tại xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

- Về nợ chung: Bà Th và ông V có vay của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thành phố X Lâm Đồng II số tiền 3.000.000.000đ, đây là khoản nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân nên buộc mỗi người phải trả ½ số tiền nợ và lãi còn thiếu cho Ngân hàng.

- Về chi phí tố tụng và án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng và quan hệ pháp luật giải quyết:

Ông Vũ Văn V có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng giải quyết ly hôn với bà Trần Thị Th. Bà Trần Thị Th có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân với ông Vũ Văn V. Bà Vũ Thùy C7 khởi kiện yêu cầu ông Vũ Văn V, bà Trần Thị Th phải trả lại diện tích đất đã mua chung. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì cần xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Ly hôn, Yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân và Yêu cầu chia tài sản thuộc sở hữu chung*" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thùy C7 vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành

xét xử vắng mặt đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Ông V và bà Th tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1969, đến ngày 05/4/2023 mới tiến hành đăng ký kết hôn tại UBND Phường 2, Thành phố X, tỉnh Lâm Đồng. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông V và bà Th là hoàn toàn hợp pháp.

Ông V và bà Th đều cho rằng quá trình chung sống vợ chồng mâu thuẫn đã lâu và rất trầm trọng do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2023 đến nay, không ai quan tâm đến ai nên ông V và bà Th thống nhất thuận tình ly hôn. Việc thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận về việc thuận tình ly hôn giữa ông V và bà Th.

[2.2]. Về con chung:

Ông V và bà Th trình bày quá trình chung sống vợ chồng có 10 người con chung gồm: Anh Vũ Trường C1, sinh năm: 1969; chị Vũ Thùy Mai C2, sinh năm: 1972; chị Vũ Thùy Mai C3, sinh năm: 1974; anh Vũ Trường C4, sinh năm: 1976; chị Vũ Thùy Mai C5, sinh năm: 1979; anh Vũ Trường C6, sinh năm: 1979; chị Vũ Thùy C7, sinh năm: 1982; chị Vũ Thùy Mộng C8, sinh năm: 1983; chị Vũ Thụy Ánh C9, sinh năm: 1985 và anh Vũ Trường C10, sinh năm: 1987. Do hiện nay các con chung đều đã đủ tuổi thành niên, đã lập gia đình riêng nên ông V và bà Th không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung:

Bà Th và ông V đều thống nhất tài sản chung của vợ chồng gồm:

- Thửa đất số 474, tờ bản đồ số 43 diện tích 4.000m^2 (trong đó gồm: 235m^2 đất ở tại nông thôn và 3.765m^2 đất trồng cây lâu năm) trên đất có 01 căn nhà cấp 4 tọa lạc tại Thôn 5, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số hiệu CQ 384576 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 23/5/2019 mang tên ông Vũ Văn V, bà Trần Thị Th.

- Thửa đất số 526, tờ bản đồ số 43 diện tích 8.499m^2 (trong đó gồm: 253m^2 đất ở ONT và 8.246m^2 đất trồng cây lâu năm) tọa lạc tại Thôn 5, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số hiệu CY 846868 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 17/11/2020 mang tên ông Vũ Văn V, bà Trần Thị Th.

- Thửa đất số 52, tờ bản đồ số 47 diện tích 592m^2 đất nuôi trồng thủy sản (NTS) tọa lạc tại Thôn 5, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số hiệu BE 924760 do UBND huyện B cấp ngày 21/9/2011 mang tên ông Nguyễn Văn H (đã điều chỉnh sang tên cho ông Vũ Văn V, bà Trần Thị Th ngày 28/3/2017).

- Thửa đất số 53, tờ bản đồ số 47 diện tích 8.499m^2 đất trồng cây hàng năm khác (HNK) tọa lạc tại Thôn 5, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số hiệu BE 924761 do UBND huyện B cấp ngày 21/9/2011 mang tên ông Nguyễn Văn H (đã điều chỉnh sang tên cho ông Vũ Văn V, bà Trần Thị Th ngày 28/3/2017).

- Thửa đất số 835, tờ bản đồ số 3 diện tích 211m^2 đất ở tại đô thị, trên đất có 01 căn nhà xây cấp 3 (diện tích xây dựng 150.8m^2; diện tích sàn 310m^2) tọa lạc tại Số 186 đường Chu Văn An, Phường 2, thành phố X, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số hiệu CQ 429586 do UBND Thành phố X cấp ngày 04/5/2019 mang tên ông Nguyễn Xuân Y, bà Nguyễn Thị C (đã điều chỉnh sang tên cho ông Vũ Văn V, bà Trần Thị Th ngày 28/7/2020) và phần đất thuộc thửa đất số 233 + 245 (đất chưa được cấp GCNQSDĐ diện tích 118,1m^2), tờ bản đồ số 3 tọa lạc tại Số 186 đường Chu Văn An, Phường 2, thành phố X, tỉnh Lâm Đồng.

- Thửa đất số 1371, tờ bản đồ số 1 diện tích 474m^2 (trong đó gồm: 168m^2 đất ở tại đô thị và 306m^2 đất trồng cây lâu năm) tọa lạc tại Hẻm 129 đường Lý Thường Kiệt, Phường 1, thành phố X, tỉnh Lâm Đồng (mua chung với con gái là Vũ Thùy C7) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số hiệu CV 031057 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 06/4/2020 mang tên ông Nguyễn Văn Lập, bà Nguyễn Thị Thắm (đã điều chỉnh sang tên cho ông Vũ Văn V, bà Trần Thị Th ngày 25/11/2020).

- Thửa đất số 200, tờ bản đồ số 4 diện tích 901,4m^2 (trong đó gồm: 150m^2 đất ở và 751,4m^2 đất trồng cây lâu năm) tọa lạc tại Tổ dân phố Sông Tiên, phường Ba Ngòi, Thành phố R, tỉnh Khánh Hòa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số hiệu CL 854485 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố R, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 27/3/2018 mang tên ông Nguyễn Văn Chí, bà Võ Giang Ngọc (đã điều chỉnh sang tên cho ông Vũ Văn V, bà Trần Thị Th ngày 21/6/2022).

- 01 ô tô 5 chỗ hiệu Tucson sản xuất năm 2018 biển số 49A 205.05.

Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, thấy rằng: Toàn bộ các thửa đất trên đều được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Th và ông V nên các con chung của bà Th và ông V không có quyền lợi hay công sức đóng góp gì trong khối tài sản này. Quá trình giải quyết vụ án, bà Th và ông V không thỏa thuận được việc chia tài sản chung của vợ chồng nên cần chia cho mỗi người ½ khối tài sản chung nhưng chia bằng hiện vật sau khi đã trừ đi phần tài sản mua chung với bà C7 và trừ tiền vay của ngân hàng, buộc các bên phải thanh toán cho nhau giá trị tài sản chênh lệch bằng tiền.

Căn cứ vào lời trình bày và nhu cầu sử dụng của các đương sự thì cần chia như sau:

Chia cho bà Th các tài sản gồm: Thửa đất số 474 + 526, tờ bản đồ số 43; Thửa đất số 52 + 53, tờ bản đồ số 47 cùng toàn bộ tài sản trên đất tọa lạc tại Thôn 5, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng và một phần thửa đất số 1371, tờ bản đồ số 1 tọa lạc tại Hẻm 129 đường Lý Thường Kiệt, Phường 1, thành phố X, tỉnh Lâm Đồng (mua chung với con gái là Vũ Thùy C7) trong đó bà Th được quyền sử dụng diện tích 6m x 46,8m và bà M được quyền sử dụng 5m x 46,8m (đồng sở hữu).

Chia cho ông V các tài sản gồm: Thửa đất số 835 + 233 + 245, tờ bản đồ số 3 tọa lạc tại Số 186 Chu Văn An, Phường 2, thành phố X, tỉnh Lâm Đồng; Thửa đất số 200, tờ bản đồ số 4 tọa lạc tại Tổ dân phố Sông Tiên, phường Ba Ngòi, Thành phố R, tỉnh Khánh Hòa và 01 xe ô tô 5 chỗ hiệu Tucson sản xuất năm 2018 biển số 49A 205.05.

Theo Chứng thư thẩm định giá số 635.2023.VT.HS ngày 15/6/2023 của Công ty cổ phần thẩm định giá Việt Tín thì toàn bộ tài sản là đất và tài sản trên đất có tổng giá trị là 41.815.768.421, trong đó:

+ Thửa đất số 474 + 526, tờ bản đồ số 43 cùng toàn bộ tài sản trên đất tọa lạc tại Thôn 5, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng có tổng giá trị là 15.239.481.457đ;

+ Thửa đất số 52 + 53, tờ bản đồ số 47 cùng toàn bộ tài sản trên đất tọa lạc tại Thôn 5, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng có tổng giá trị là 2.643.188.100đ;

+ Một phần thửa đất số 1371, tờ bản đồ số 1 tọa lạc tại Hẻm 129 đường Lý Thường Kiệt, Phường 1, thành phố X, tỉnh Lâm Đồng (mua chung với con gái là Vũ Thùy C7) trong đó bà Th được quyền sử dụng diện tích 6m x 46,8m và bà M được quyền sử dụng 5m x 46,8m có tổng giá trị là 2.465.758.700đ. Như vậy phần đất chia cho bà Th có giá trị là 1.344.959.300đ;

+ Thửa đất số 835 + 233 + 245, tờ bản đồ số 3 tọa lạc tại Số 186 Chu Văn An, Phường 2, thành phố X, tỉnh Lâm Đồng có tổng giá trị là 17.809.787.143đ;

+ Thửa đất số 200, tờ bản đồ số 4 tọa lạc tại Tổ dân phố Sông Tiên, phường Ba Ngòi, Thành phố R, tỉnh Khánh Hòa có tổng giá trị là 4.084.852.421đ;

+ 01 xe ô tô 5 chỗ hiệu Tucson sản xuất năm 2018 biển số 49A 205.05 có giá trị là 693.500.000đ.

Đối với 11 lượng vàng 24k ông V cho rằng đây là tài sản riêng nên không đồng ý chia cho bà Th nhưng quá trình giải quyết vụ án cả bà Th và ông V đều thừa nhận đây là tài sản chung nên chia mỗi người ½ bà Th đã nhận 3 lượng vàng nên buộc ông V phải tiếp tục giao cho bà Th 2,5 lượng vàng 24k.

Ông V được nhận phần tài sản có giá trị 22.588.139.564đ lớn hơn phần chia cho bà Th được nhận có giá trị 19.227.628.857đ nên sau khi trừ số tiền gốc 3.000.000.000đ và khoản tiền lãi còn thiếu của ngân hàng chưa trả (từ ngày 01/02/2024 đến nay), bà Th đồng ý trừ lại số tiền 60.510.707đ để ông V trả vào số tiền lãi còn thiếu, còn lại 300.000.000đ yêu cầu chia nên buộc ông V phải thanh toán phần giá trị tài sản chênh lệch cho bà Th là 150.000.000đ.

Bà Th và ông V có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục để được đứng tên phần diện tích đất và tài sản gắn liền với đất được chia theo quyết định của bàn án này.

Đối với thửa đất số 50, tờ bản đồ số 4 diện tích 534,9m^2 đất trồng cây hàng năm khác tọa lạc tại Tổ dân phố Hưng Long, phường Ba Ngòi, Thành phố R, tỉnh Khánh Hòa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số hiệu DN 675664 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đại tại Thành phố R, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 02/02/2024 mang tên ông Vũ Văn V, bà Trần Thị Th và diện tích đất 600m^2 ở xã Phước Thái, huyện Z, tỉnh Đồng Nai (đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) bà Th và ông V tự thỏa thuận chia, không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về nợ chung: Ông V và bà Th có vay của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thành phố X Lâm Đồng II số tiền gốc là 3.000.000.000đ và thế chấp tài sản là toàn bộ thửa đất số 835, tờ bản đồ số 3 diện tích 211m^2 đất ở tại đô thị, trên đất có 01 căn nhà xây cấp 3 (diện tích xây dựng 150.8m^2; diện tích sàn 310m^2) tọa lạc tại Số 186 đường Chu Văn An, Phường 2, thành phố X, tỉnh Lâm Đồng. Do hợp đồng tín dụng này chưa đến hạn trả nợ nên Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thành phố X Lâm Đồng II không yêu cầu khởi kiện trong vụ án này nhưng đề nghị Tòa án khi phân chia tài sản thì bên được phân chia tài sản đang thế chấp phải có trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng theo hợp đồng tín dụng đã ký. Do tài sản thế chấp được chia cho ông V nên ông V phải có trách nhiệm trả nợ gốc và lãi cho ngân hàng khi đến hạn theo hợp đồng tín dụng đã ký.

[2.5] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí đo vẽ và thẩm định giá tài sản: Tổng chi phí là 114.070.000đ, bà Th đã nộp tạm ứng và yêu cầu giải quyết theo pháp luật. Còn ông V thì không đồng ý chịu số tiền này. Vì vậy cần chia chi phí này theo tỷ lệ mỗi người phải chịu ½, cần buộc ông V phải trả cho bà Th số tiền 57.035.000đ.

[2.6] Về án phí: Bà Th và ông V đều là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ tiền án phí theo quy định của pháp luật

Bà M không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 33, Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 147; Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 213, Điều 219 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về "*Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*".

Xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn V đối với bà Trần Thị Th về việc tranh chấp "*Ly hôn*".

Công nhận sự thỏa thuận về việc thuận tình ly hôn giữa ông Vũ Văn V và bà Trần Thị Th: Ông Vũ Văn V và bà Trần Thị Th thuận tình ly hôn.

2/ Về con chung: Do 10 con chung là anh Vũ Trường C1, sinh năm: 1969; chị Vũ Thùy Mai C2, sinh năm: 1972; chị Vũ Thùy Mai C3, sinh năm: 1974; anh Vũ Trường C4, sinh năm: 1976; chị Vũ Thùy Mai C5, sinh năm: 1979; anh Vũ Trường C6, sinh năm: 1979; chị Vũ Thùy C7, sinh năm: 1982; chị Vũ Thùy Mộng C8, sinh năm: 1983; chị Vũ Thụy Ánh C9, sinh năm: 1985 và anh Vũ Trường C10, sinh năm: 1987 đã đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động được, bà Trần Thị Th và ông Vũ Văn V đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3/ Về tài sản chung:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thùy C7 về việc tranh chấp đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất.

3.1- Giao cho bà Trần Thị Th được toàn quyền quản lý, sở hữu, sử dụng đất và tài sản trên đất gồm:

- Thửa đất số 474, tờ bản đồ số 43 diện tích 4.000m^2 (trong đó gồm: 235m^2 đất ở tại nông thôn và 3.765m^2 đất trồng cây lâu năm) trên đất có 01 căn nhà cấp 4 tọa lạc tại Thôn 5, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số hiệu CQ 384576 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 23/5/2019 mang tên ông Vũ Văn V, bà Trần Thị Th.

- Thửa đất số 526, tờ bản đồ số 43 diện tích 8.499m^2 (trong đó gồm: 253m^2 đất ở ONT và 8.246m^2 đất trồng cây lâu năm) tọa lạc tại Thôn 5, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số hiệu CY 846868 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 17/11/2020 mang tên ông Vũ Văn V, bà Trần Thị Th.

- Thửa đất số 52, tờ bản đồ số 47 diện tích 592m^2 đất nuôi trồng thủy sản (NTS) tọa lạc tại Thôn 5, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số hiệu BE 924760 do UBND huyện B cấp ngày 21/9/2011 mang tên ông Nguyễn Văn H (đã điều chỉnh sang tên cho ông Vũ Văn V, bà Trần Thị Th ngày 28/3/2017).

- Thửa đất số 53, tờ bản đồ số 47 diện tích 8.499m^2 đất trồng cây hàng năm khác (HNK) tọa lạc tại Thôn 5, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số hiệu BE 924761 do UBND huyện B cấp ngày 21/9/2011 mang tên ông Nguyễn Văn H (đã điều chỉnh sang tên cho ông Vũ Văn V, bà Trần Thị Th ngày 28/3/2017).

- Thửa đất số 1371, tờ bản đồ số 1 diện tích 474m^2 (trong đó gồm: 168m^2 đất ở tại đô thị và 306m^2 đất trồng cây lâu năm) tọa lạc tại Hẻm 129 đường Lý Thường Kiệt, Phường 1, thành phố X, tỉnh Lâm Đồng (mua chung với con gái là Vũ Thùy C7) theo

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số hiệu CV 031057 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 06/4/2020 mang tên ông Nguyễn Văn Lập, bà Nguyễn Thị Thắm (đã điều chỉnh sang tên cho ông Vũ Văn V, bà Trần Thị Th ngày 25/11/2020).

Thửa đất này bà Trần Thị Th và bà Vũ Thùy C7 được đứng tên đồng sở hữu theo quy định của pháp luật; trong đó bà Th được quyền sử dụng diện tích 6m x 46,8m và bà C7 được quyền sử dụng 5m x 46,8m.

3.2- Giao cho ông Vũ Văn V được toàn quyền quản lý, sở hữu, sử dụng đất và tài sản trên đất gồm:

- Thửa đất số 835, tờ bản đồ số 3 diện tích 211m^2 đất ở tại đô thị, trên đất có 01 căn nhà xây cấp 3 (diện tích xây dựng 150.8m^2; diện tích sàn 310m^2) tọa lạc tại Số 186 đường Chu Văn An, Phường 2, thành phố X, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số hiệu CQ 429586 do UBND Thành phố X cấp ngày 04/5/2019 mang tên ông Nguyễn Xuân Y, bà Nguyễn Thị C (đã điều chỉnh sang tên cho ông Vũ Văn V, bà Trần Thị Th ngày 28/7/2020) và diện tích đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm 43,7m^2 thuộc thửa đất số 233 và diện tích đất 74,4m^2 đất thuộc thửa đất số 245 cùng tờ bản đồ số 3 tọa lạc tại Số 186 đường Chu Văn An, Phường 2, thành phố X, tỉnh Lâm Đồng.

- Thửa đất số 200, tờ bản đồ số 4 diện tích 901,4m^2 (trong đó gồm: 150m^2 đất ở và 751,4m^2 đất trồng cây lâu năm) tọa lạc tại Tổ dân phố Sông Tiên, phường Ba Ngòi, Thành phố R, tỉnh Khánh Hòa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số hiệu CL 854485 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố R, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 27/3/2018 mang tên ông Nguyễn Văn Chí, bà Võ Giang Ngọc (đã điều chỉnh sang tên cho ông Vũ Văn V, bà Trần Thị Th ngày 21/6/2022).

- 01 ô tô 5 chỗ hiệu Tucson sản xuất năm 2018 biển số 49A 205.05.

(*Kèm theo 03 Họa đồ trích đo hiện trạng sử dụng đất lập ngày 09/3/2023 của Công ty TNHH Nhật Khôi - Bút lục số 101, 102, 103*).

Bà Trần Thị Th, ông Vũ Văn V và bà Vũ Thùy M có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục để được công nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quyết định của Bản án này.

3.3- Buộc ông Vũ Văn V phải thanh toán cho bà Trần Thị Th số tiền 150.000.000đ (*Một trăm năm mươi triệu* đồng) giá trị tài sản chênh lệch và 2,5 lượng vàng 24k tiền chia tài sản chung vợ chồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4/ Về nợ chung:

Ông Vũ Văn V và bà Trần Thị Th có vay của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thành phố X Lâm Đồng II số tiền gốc là 3.000.000.000đ và thế chấp tài sản là toàn bộ thửa đất số 835, tờ bản đồ số 3 diện tích 211m^2 đất ở tại đô thị, trên đất có 01 căn nhà xây cấp 3 (diện tích xây dựng 150.8m^2; diện tích sàn 310m^2) tọa lạc tại Số 186 đường Chu Văn An, Phường 2, thành phố X, tỉnh Lâm Đồng. Do hợp đồng tín dụng này chưa đến hạn trả nợ nên Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thành phố X Lâm Đồng II không yêu cầu khởi kiện trong vụ án này nhưng đề nghị Tòa án khi phân chia tài sản thì bên được phân chia tài sản đang thế chấp phải có trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng theo hợp đồng tín dụng đã ký. Do tài sản thế chấp được chia cho ông Vũ Văn V nên ông Vũ Văn V phải có trách nhiệm trả nợ gốc và lãi cho ngân hàng khi đến hạn theo hợp đồng tín dụng đã ký.

5/ Về chi phí tố tụng: Tổng số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí đo vẽ và thẩm định giá tài sản là 114.070.000đ, bà Th đã nộp tạm ứng và yêu cầu giải quyết theo pháp luật. Buộc ông Vũ Văn V phải trả lại cho bà Trần Thị Th số tiền 57.035.000đ.

6/ Về án phí:

Bà Trần Thị Th và ông Vũ Văn V được miễn tiền án phí theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi và điểm đ khoản 1, khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về "*Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*".

Bà Vũ Thùy M không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Vũ Thùy M được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 34.500.000đ (*Ba mươi tư triệu năm trăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012767 ngày 17 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

7/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (22/3/2024), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện B;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Đức Trường